

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 47/2021/HC-GĐT

Ngày 18-11-2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận;

Các Thẩm phán: - Ông Trần Văn Cò;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Trần Hồng Hà;

- Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh Chi - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*” giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Quang X, sinh năm 1964 và bà Trần Ngọc T, sinh năm 1966;

Cùng cư trú tại: số 62, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 243/62 HD, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 18 ĐNH, phường MH, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/8/2012 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T trình bày:

Năm 1987, ông Lê Văn T1 là anh của ông Lê Quang X thấy ao cá bỏ hoang

sau nhà nên san lấp. Năm 1993, ông X lập gia đình, lúc đó không đủ tiêu chuẩn cấp đất nên ông T đã cho ông X phần đất ông T đã san lấp phía sau nhà có diện tích 65,25 m² đất để làm nhà ở; năm 1995, ông bà rào lại phần đất phía sau nhà để chứa đồ làm diện tích tăng thêm 24,55 m², nên tổng diện tích phần đất ông bà quản lý là 89,8 m². Năm 2005 nhà xuống cấp, ông bà đã sửa chữa chống dột, có đơn xin phép và được Ủy ban nhân dân phường B chấp thuận cho sửa chữa nhà trên diện tích đất đang sử dụng với hiện trạng tường gạch, nền gạch men, trần thạch cao, mái tôn. Ông bà cho rằng gia đình ông bà sử dụng đất từ trước năm 1993 đến nay mà không có cơ quan nhà nước nào quản lý nên khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trường mẫu giáo phường B tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh gia đình ông bà đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất và phải được bồi thường với đơn giá 100%.

Ngày 17/9/2009, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1175/QĐ-UBND-TH về việc thu hồi khu đất với diện tích 89,75 m² đất thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 8 và di chuyển căn nhà số 62 đường số 9, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 266/53/3 đường TĐ, phường B, quận B tọa lạc trên thửa đất nêu trên) của gia đình ông Lê Quang X. Ngày 02/8/2011, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và di chuyển căn nhà của ông Lê Quang X, theo đó gia đình ông X được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 6.170.000 đồng.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ trên ông X khiếu nại. Ngày 30/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5618/QĐ-UBND-TH giải quyết khiếu nại của ông X với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B; không chấp nhận yêu cầu của ông X đề nghị được bồi thường, hỗ trợ khoảng 700.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng để gia đình ông tìm nơi ở mới, ổn định cuộc sống.

Ông X tiếp tục khiếu nại. Đồng thời, ngày 24/8/2012, ông Lê Quang X, bà TTrần Ngọc T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B.

Ngày 29/9/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5009/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông X với nội dung: Công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 5618/QĐ-UBND-TH ngày 30/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đối với nội dung khiếu nại của ông X yêu cầu bồi thường, hỗ trợ nhà, đất bị thu hồi; không công nhận đơn của ông khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất diện tích 89,75 m² theo đơn giá 25.875.000 đồng/m² và yêu cầu bồi thường vật kiến trúc trên đất.

Ngày 29/01/2013, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 về việc duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và vật kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà của ông X, theo đó gia đình ông X được hỗ trợ bổ sung với tổng số tiền 446.158.000 đồng.

Tòa án nhân dân quận B đã xét xử sơ thẩm (Bản án hành chính sơ thẩm số

02/2013/HC-ST ngày 16/5/2013) và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm (Bản án hành chính phúc thẩm số 1310/2013/HC-PT ngày 20/9/2013) không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 24/2017/HC-GĐT ngày 15/12/2017, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định hủy 02 bản án nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại.

Quá trình Tòa án thụ lý để giải quyết lại vụ án, ngày 22/3/2018, ông X, bà T có Đơn xác định, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung: Yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu bồi thường cho gia đình ông 100% giá trị diện tích đất 65,25 m² và bồi thường 100% giá trị diện tích đất 24,43 m² (sau khi trừ đi giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ đối với diện tích đất 24,43 m²) cùng với việc bồi thường 100% giá trị tài sản gắn liền với đất đã bị thu hồi, giải tỏa; áp dụng quy định chậm bồi thường do lỗi của bên bồi thường gây ra tính từ khi có Quyết định thu hồi đất số 1175/QĐ-UBND-TH ngày 17/9/2009 của Ủy ban nhân dân quận B đến nay.

Tại Văn bản số 2351/UBND-ĐT ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận B và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Nguồn gốc đất của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T trước đây là ao cá của Phường Đội phường B, nhưng từ năm 1987 ao này bị các hộ dân xung quanh lấn chiếm, trong đó có gia đình ông Lê Văn T1. Năm 1993 ông T1 cho ông X một phần trong diện tích ông T1 lấn chiếm. Năm 1995 phát hiện việc lấn chiếm đất của ông T1 nên Ủy ban nhân dân quận B đã thanh tra sau đó có Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 thu hồi toàn bộ phần diện tích ông T1 lấn chiếm trong đó có cả phần đất ông T1 cho ông X, vào thời điểm đó gia đình ông X sử dụng 53,96 m².

Thực tế diện tích hiện nay là 89,75 m², toàn bộ diện tích là do ông T1 lấn chiếm nên khi thu hồi chỉ làm việc với ông T1 và giao quyết định thu hồi cho ông T1. Do nhà đất ông X đã bị thu hồi, quản lý theo Quyết định số 60/QĐ-UB và toàn bộ nhà đất tại địa chỉ 62 đường số 9 nằm trong dự án xây dựng Trường Mẫu giáo phường B, quận B nên thuộc trường hợp chỉ được xem xét hỗ trợ di chuyển nhà mà không bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 về việc hỗ trợ số tiền 6.170.000 đồng/53,96 m², ông X và bà T khiếu nại, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản hướng dẫn xem xét hỗ trợ cho ông X, bà T về đất là 30%, về xây dựng 40%. Ngày 29/01/2013, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 hỗ trợ bổ sung 30% giá trị đất và 40% giá trị xây dựng trên diện tích 53,96 m² cho gia đình ông X, bà T là 446.158.000 đồng (đơn giá đất là 25.857.000 đồng/m²) là đúng quy định.

Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 của Ủy ban nhân dân quận B là quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong việc quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương để thực hiện hành vi lấn chiếm đất công của ông Lê Văn T1 (thời điểm năm 1995 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B) và ông Lê Quang X (thời điểm năm 1995 là cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân phường B, quận B) không phải là quyết định thu hồi đất hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy, quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 được ban hành đúng thẩm quyền và vẫn còn hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 16 Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và điểm đ khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, trường hợp của ông X và bà T không thuộc diện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ (53,96 m²) khi nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, đề nghị ông X và bà T chấp nhận mức hỗ trợ nêu trên, nếu không chấp nhận thì đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông X, bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1683/2018/HC-ST ngày 21/11/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T.

Hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 đường số 9, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và vật kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 đường số 9, phường B, quận B (thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ 08) của ông Lê Quang X trong công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường mẫu giáo phường B, quận 4.

Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tiến hành lại việc bồi thường, hỗ trợ tài sản cho ông X, bà T theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí.

Ngày 06/12/2018, Ủy ban nhân dân quận B có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 921/2019/HC-PT ngày 26/12/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang X và bà Trần Ngọc T.

Hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di

chuyển căn nhà số 62 đường số 9, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc duyệt bổ sung chi phí hỗ trợ về đất và vật kiến trúc khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà số 62 đường số 9, phường B, quận B (thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ 08) của ông Lê Quang X trong công trình di dời, tháo dỡ và thu hồi đất để xây dựng Trường mẫu giáo phường B, quận B.

Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tiến hành lại việc bồi thường, hỗ trợ tài sản cho ông X, bà T theo đúng quy định pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 29/4/2020, Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 41/2021/KN-HC ngày 13/9/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 921/2019/HC-PT ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Diện tích 89,75 m² đất của gia đình ông Lê Quang X, bà Trần Ngọc T yêu cầu được bồi thường theo giá đất ở có nguồn gốc là ao cá của Phường Đội phường B quản lý (thuộc mặt bằng số 266/53/3 TĐ, phường B, quận B). Năm 1987, ông Lê Văn T1 làm đơn xin đất cát 01 căn nhà để ở và được Ủy ban nhân dân quận B có Văn bản số 102/UBQ4 ngày 16/4/1987 cho phép ông T1 được cất nhà bằng vật liệu nhẹ (đến ngày 20/02/1995 ông T1 mới được UBND quận B cấp Giấy phép xây dựng cho phép xây nhà trên đất có diện tích 6m x 4m = 24 m²), phần diện tích còn lại là do gia đình ông T1 lấn chiếm. Năm 1993, ông T1 cho ông X 53,96 m² trong số diện tích ông T1 lấn chiếm để làm nhà ở; còn 9,36 m² gia đình ông X lấn chiếm sử dụng trước năm 1993 và 24,43 m² ông X tự lấn chiếm ao sử dụng sau năm 1993.

[2]. Ngày 17/10/1995, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 60/QĐ.UB về việc quản lý phần đất thuộc mặt bằng số 266/53/3 TĐ, phường B, quận B có nội dung: Đối với mảnh đất có tổng diện tích 357,55 m² xử lý như sau: Thu hồi, quản lý phần đất có diện tích 164,94 m², vị trí nằm sau nhà ông Lê Văn T1; quản lý phần đất có diện tích 25,37 m², vị trí nằm trước và bên hông nhà ông Lê Văn T1; quản lý phần đất có diện tích 53,96 m². Với kiến trúc xây dựng trên mảnh đất này tạm thời duy trì sử dụng; khi có yêu cầu giải tỏa của cơ quan có thẩm

quyền, ông Lê Quang X phải tháo dỡ vô điều kiện.

[3]. Tại Biên bản làm việc ngày 29/3/1996 về việc thực hiện Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 17/10/1995 giữa Ủy ban nhân dân phường B với ông T1 và ông X, ông T1 trình bày: *“Về diện tích ao phía sau nhà không thuộc của hộ lấn chiếm mà thuộc của Quận và Phường quản lý, chủ hộ không quản lý phần đất này”*. Ông X cũng đồng ý ký tên xác nhận vào Biên bản này.

[4]. Ngày 08/5/1996, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 34/QĐ-UB về việc giao cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B tạm thời quản lý sử dụng phần đất do quận B đã quản lý thuộc mặt bằng số 266/53/3 TĐ, trong thời gian chờ Quận có quyết định sử dụng phù hợp với quy hoạch của khu vực này. Ngày 14/5/1996, Đội Quản lý nhà quận B đã có Biên bản bàn giao phần đất nêu trên cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5]. Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định diện tích đất của gia đình ông X, bà T có nguồn gốc do lấn chiếm và Nhà nước đã quản lý từ năm 1996 nên không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003; đ khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông X không được bồi thường về đất và tài sản trên đất theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 43 Luật đất đai năm 2003, mà chỉ được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở và được hỗ trợ đối với nhà ở, công trình sinh hoạt xây dựng trên đất trước ngày 22/4/2002 bằng 40% đơn giá xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 26 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định diện tích 89,75 m² đất mà Nhà nước thu hồi của gia đình ông X, bà T đã được gia đình ông X, bà T sử dụng liên tục, không có tranh chấp, không bị ngăn chặn hoặc lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, không thuộc diện quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, do đó ông X, bà T vẫn được bồi thường với diện tích đất này sau khi trừ đi giá trị tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ từ đó tuyên hủy Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4 ngày 02/8/2011 của Ủy ban nhân dân quận B về việc duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất và di chuyển căn nhà của ông Lê Quang X và Quyết định số 199/QĐ-UBND-MGP4 ngày 29/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc duyệt chi phí và chi phí bổ sung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của ông X là không đúng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, quyết định đối với các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan là Quyết định số 5618/QĐ-UBND-TH ngày 30/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (có nội dung giữ nguyên Quyết định số 3776/QĐ-UBND-MGP4) và Quyết định số 5009/QĐ-UBND ngày 29/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có nội dung công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 5618/QĐ-UBND-TH) là không đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 41/2021/KN-HC ngày 13/9/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 921/2019/HC-PT ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm 921/2019/HC-PT ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (02 bản kèm HSVA);
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Vụ GDKTIII (3b), Vụ PCVQLKH (TANDTC), Hồ sơ vụ án, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thuận